

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG CỦA GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỈNH SƠN LA VỚI ĐÁNH GIÁ HỌC SINH THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC

Lê Thị Thu Hà⁺,
Đặng Thị Sợi

Trường Đại học Tây Bắc
+ Tác giả liên hệ • Email: lehatbu@utb.edu.vn

Article History

Received: 09/3/2020

Accepted: 20/4/2020

Published: 30/4/2020

Keywords

adaptation, competence
approach, primary teachers,
Son La province.

ABSTRACT

The evaluation and assessment of primary students in recent years has changed greatly. Evaluation and assessment have been moved from content approach to competence approach. This has required teachers to change their awareness, attitudes and skills in the assessment and evaluation. It is the adaptation to the assessment in this new direction that enables them to recognize students' strengths and progress better. The paper focuses on proposing some solutions to help primary teachers in Son La province improve their adaptive capacity to assess students according to their competence approach; thus, to improve the effectiveness of students' educational quality. Empirical results show that it is possible to improve the adaptability for primary teachers in Son La province when assessing students according to competence approach by using some solutions proposed by the authors.

1. Mở đầu

Đánh giá học sinh (HS) tiểu học theo tiếp cận năng lực (TCNL) là một xu thế của giáo dục hiện đại. Theo hướng đánh giá này, giáo viên (GV) quan tâm đến việc đánh giá sự tiến bộ của người học chứ không chỉ đánh giá bằng điểm số như trước. Sự thay đổi trong cách đánh giá từ tiếp cận nội dung (kiến thức) sang TCNL là một bước chuyển mới của nền giáo dục nói chung và của bậc giáo dục tiểu học nói riêng. Sự thay đổi đó đã khiến không ít GV tránh khỏi những khó khăn, trở ngại. Tuy nhiên, qua thời gian thực hành đánh giá, họ cũng dần thích ứng với cách đánh giá này, nhưng mức độ thích ứng không như nhau ở các GV của các vùng miền khác nhau, thậm chí nghề khác nhau (Lê Thị Thu Hà, 2018).

Bước đầu nghiên cứu về thích ứng của GV tiểu học tỉnh Sơn La với đánh giá HS theo TCNL, tác giả nhận thấy GV đã có sự thích ứng nhưng ở mức độ trung bình (Lê Thị Thu Hà, 2018). Vậy làm thế nào để giúp GV nâng cao khả năng thích ứng với đánh giá HS theo hướng mới để nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục HS?

Trên cơ sở nghiên cứu 262 GV tiểu học của 9 trường tiểu học thuộc địa bàn TP. Sơn La, huyện Mộc Châu, huyện Sông Mã, huyện Phù Yên của tỉnh Sơn La từ tháng 12/2015-12/2018, nhóm tác giả đề xuất một số biện pháp giúp GV tiểu học tỉnh Sơn La nâng cao khả năng thích ứng với đánh giá HS theo TCNL. Các phương pháp chính được sử dụng trong nghiên cứu là: nhóm phương pháp nghiên cứu lí thuyết; nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn (quan sát, phỏng vấn, điều tra, hỏi cứu, thực nghiệm, nghiên cứu trường hợp); nhóm phương pháp thống kê toán.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Thích ứng của giáo viên tiểu học với đánh giá học sinh theo tiếp cận năng lực

Bản về khái niệm “thích ứng”, có nhiều tác giả đưa ra các khái niệm theo nhiều cách tiếp cận khác nhau. Về cơ bản, thích ứng là sự thay đổi tâm lí của chủ thể về mặt nhận thức, thái độ và kĩ năng nhằm vượt qua những khó khăn, trở ngại để đáp ứng với những biến đổi (hoặc yêu cầu mới) của môi trường (hay hoạt động), giúp chủ thể hoạt động một cách tích cực, chủ động và có hiệu quả (Nguyễn Công Khanh, 2015).

Đòi hỏi đánh giá HS tiểu học thể hiện ở việc GV chú trọng đánh giá sự hình thành và phát triển một số năng lực (hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề...), phẩm chất (trung thực, kỉ luật, đoàn kết, yêu thương...), tăng cường lời nhận xét của GV và hướng dẫn HS tự nhận xét mình, nhận xét bạn, nhóm bạn (Hoàng Mai Lê, 2017).

Trước sự thay đổi đó, GV cũng cần thay đổi để thích ứng với môi trường và điều kiện giáo dục mới. Thích ứng của GV với đánh giá HS theo TCNL là một dạng thích ứng nghề nghiệp, đòi hỏi GV phải thay đổi để đáp ứng với những yêu cầu của cách đánh giá mới đối với HS tiểu học. Theo đó, thích ứng của GV tiểu học với đánh giá HS theo

TCNL được hiểu là sự thay đổi về nhận thức, thái độ, kỹ năng nhằm vượt qua những trở ngại khó khăn của việc thu thập thông tin, đối chiếu với chuẩn năng lực, từ đó đưa ra nhận định, giải pháp về kết quả học tập, phẩm chất, năng lực giúp HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết thành công các nhiệm vụ cụ thể trong tình huống xác định (Lê Thị Thu Hà, 2018).

2.2. Một số biện pháp nâng cao khả năng thích ứng của giáo viên tiểu học tỉnh Sơn La với đánh giá học sinh theo tiếp cận năng lực

2.2.1. Nâng cao nhận thức cho giáo viên tiểu học về đánh giá học sinh theo tiếp cận năng lực

Biện pháp này giúp GV tiểu học nhận thức đúng đắn và sâu sắc về bản chất, “linh hồn” của đánh giá HS theo năng lực, đồng thời cho GV có hiểu biết về các kỹ thuật đánh giá HS theo năng lực. Bằng cách: soạn bài giảng “Một số vấn đề về đánh giá HS theo TCNL”; trao đổi với GV qua buổi tập huấn với các nội dung chính: ý nghĩa, vai trò của đánh giá theo năng lực; so sánh sự khác biệt giữa đánh giá kiến thức, kỹ năng với đánh giá năng lực; bản chất của đánh giá theo TCNL; một số kỹ thuật đánh giá HS theo TCNL.

Ví dụ: Giả sử trong môn Toán lớp 1, để đánh giá năng lực của HS trong cách tư duy và vận dụng những hiểu biết của mình vào việc giải quyết các tình huống khác nhau đã biến đổi, GV yêu cầu HS làm bài tập sau: *Một chuồng ngựa có 5 con, bác chăn ngựa đến mở cửa chuồng. Em hãy viết tất cả các phép tính trừ có thể có được trong dữ kiện bài toán trên.* Khác với cách đánh giá của truyền thống: *Một chuồng ngựa có 5 con, bác chăn ngựa đến dắt đi 2 con. Hỏi chuồng ngựa còn mấy con?*

Hai bài toán trên với 2 cách đánh giá theo 2 cách tiếp cận khác nhau. Ở bài toán thứ nhất, HS có thể có nhiều cách tư duy khác nhau và có năng lực khác nhau ở mỗi HS. Những HS có năng lực tốt sẽ có thể viết được 6 phép tính: $5-1=4$; $5-2=3$; $5-3=2$; $5-4=1$; $5-5=0$ và $5-0=5$ và chúng giải thích được tại sao lại có phép tính như vậy. Lần lượt có các cách giải thích là: 1 con; 2 con; 3 con; 4 con; 5 con và không có con ngựa nào ra, HS hoàn toàn có thể dựa vào sự hiểu biết, kỹ năng và năng lực của mình để giải bài tập trên. Còn trong cách đánh giá truyền thống, những phương án tư duy rất “đóng” và thường chỉ có một phương án trả lời duy nhất.

Liên hệ thực tiễn quá trình đánh giá HS tiểu học của GV, phụ huynh hiện nay ở nhà trường cũng như ở gia đình. Đồng thời, GV có thể sử dụng một số trò chơi học tập để kích thích sự thay đổi trong nhận thức, thái độ, kỹ năng của GV trong đánh giá HS. Chỉ có thể thông qua trò chơi thì mới kích thích được sự thay đổi thái độ của GV với việc đánh giá HS theo năng lực. Bởi lẽ, điều đó giúp GV có thái độ theo chiều hướng tích cực về việc đánh giá HS theo năng lực (chẳng hạn: Khi dạy bài Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt cho HS lớp 4, GV có thể chơi trò chơi “động não”: Tìm tất cả các từ có chứa tiếng “tài”; GV lần lượt nói từ khóa có chứa tiếng “tài”, không phân biệt đứng trước hay sau; nhiệm vụ của GV là kể lần lượt, không được lặp lại các từ khóa mà người trước đã nói. Sau đó, GV phân nhóm và phân hạng các từ có chứa tiếng “tài” thành các nhóm có chung một nét nghĩa. Điều này hoàn toàn làm cho HS không bị động khi phát triển vốn từ, và quan trọng là GV có thể phát triển vốn từ của mình gắn liền với các trò chơi phát huy năng lực ngôn ngữ)

GV nên giải thích về sự thay đổi trong đánh giá HS cho phụ huynh hiểu và phối hợp cùng thực hiện với GV; trong những buổi họp phụ huynh đầu năm, cuối năm học, GV nên trao đổi trực tiếp với phụ huynh về cách hợp tác của bố mẹ với con trong quá trình hình thành các thái độ, phẩm chất, năng lực ở nhà.

2.2.2. Tổ chức rèn luyện cho giáo viên tiểu học kỹ năng đánh giá học sinh theo tiếp cận năng lực

Biện pháp này giúp GV hình thành được kỹ năng đánh giá HS theo năng lực dựa trên phương châm “Trăm hay không bằng tay quen”, bao gồm các kỹ năng: quan sát các biểu hiện về năng lực HS; trò chuyện với HS; thiết kế đề kiểm tra theo hướng phát huy năng lực HS; đánh giá vì sự tiến bộ của HS; đưa ra lời nhận xét mang tính tích cực; không so sánh HS này và HS khác, tìm điểm mạnh của HS để nhận xét; đưa HS vào những tình huống trải nghiệm thực tiễn.

Cách thực hiện: + Đưa ra một số tình huống trong dạy học ở tiểu học, yêu cầu GV xử lý tình huống đó bằng cách sử dụng kỹ năng đánh giá HS theo năng lực; + Yêu cầu GV thiết kế đề kiểm tra theo hướng phát huy năng lực HS sau đó yêu cầu GV giải thích quy trình, cách thực hiện việc thiết kế đề kiểm tra đó; phân tích rõ các mức độ cần đạt được ở HS đặc biệt là các câu hỏi liên quan đến việc hình thành năng lực cho HS; + Yêu cầu GV xây dựng một số bài học có sử dụng các tình huống trải nghiệm giúp HS hình thành được năng lực.

Ví dụ về “Kỹ năng đưa ra lời nhận xét tích cực:

- Nhận xét “bằng lời” nhiều hơn mỗi khi HS hoàn thành bài tập, hoàn thành nhiệm vụ thực hành của một môn học, nhất là với HS đầu cấp tiểu học.

- Động viên, khích lệ, biểu dương, khen ngợi kịp thời đối với từng thành tích, tiến bộ giúp HS tự tin vươn lên. Nên động viên, khen ngợi nhiều hơn là chê HS. Điều này không có nghĩa là không được phê bình, không tìm ra lỗi sai để HS sửa chữa, mà quan trọng là, nhìn vào điểm mạnh của em đó để khơi gợi tinh thần học tập, tạo dựng niềm vui cho HS khi đến trường. Khi nhận xét HS, GV có thể:

+ Dùng những lời nói có ý nghĩa tích cực như “Em đã tiến bộ”, “Cô vui mừng...”, “Cô tin em sẽ làm được”, “Cô khen đối với sự tiến bộ của em”, “Em đã làm cho mọi người ngạc nhiên về sự tiến bộ của mình”...; + Dùng ngôn ngữ cơ thể tích cực như vỗ tay, nét mặt tươi vui, mỉm cười với HS...; + Thể hiện thái độ tích cực, thân thiện, vui vẻ, hòa nhã và chân thành với HS... Va chạm tích cực, vỗ vai, xoa đầu, bắt tay HS; + Không nên dùng những lời lẽ chê bai, mắng mỏ, quát tháo, đe dọa... HS; không đánh đập, gây đau đớn, thương tích, hay tỏ thái độ coi thường, thiếu tin tưởng HS; + Tự rút kinh nghiệm cho bản thân trong quá trình đánh giá HS bằng nhận xét bằng cách: tìm ra những ưu điểm, đặc biệt là hạn chế của bản thân khi nhận xét HS, qua đó GV có thể nhìn nhận lại bản thân sau mỗi ngày, mỗi tuần, hàng tháng, hoặc cuối kì, cuối năm; + GV cần hướng dẫn phụ huynh đánh giá vì sự tiến bộ của HS, không nên so sánh con mình với con người khác; không nên tạo áp lực học tập cho con khi ở nhà; hướng dẫn phụ huynh tương tác với con khi ở nhà để giúp con có hứng thú học tập. Phụ huynh có thể đặt những câu hỏi phong phú khác nhau khi con về nhà thay vì câu hỏi trước đây phụ huynh vẫn hay hỏi: “Hôm nay con được điểm mấy?”, “Hôm nay có được điểm 10 không?”... Những câu hỏi ấy có thể là: “Hôm nay lớp con học có vui không?”; “Con học được điều gì ở trường ngày hôm nay?”; “Con hỏi cô giáo điều gì không?”; “Cô nói gì về bài tập con làm?”... (Nguyễn Hữu Hợp, 2015).

Ví dụ về kĩ năng thiết kế đề kiểm tra theo hướng phát huy năng lực HS: Đối với HS lớp 4, sau khi học xong bài Chu vi và diện tích hình chữ nhật, thay vì những đề bài chỉ đo khả năng ghi nhớ của HS như: Cho một hình vuông có cạnh 5cm, Hãy tính chu vi và diện tích của hình vuông đó, GV có thể xây dựng một đề bài như sau: Cho hình vuông có cạnh 5cm. Hãy viết ít nhất hai hiệu biết của em về hình vuông nói trên.

Đối với phân môn Tập làm văn, thay vì việc ra đề “đóng” theo kiểu: *Em hãy tả cô giáo của em/ Em hãy tả về mẹ của em/ Tả một người bạn thân của em...*, GV nên ra những đề theo hướng mở để phát huy năng lực của HS như: *Hãy tả một người mà em yêu quý nhất.* Đối với việc ra đề bài như vậy, HS được bộc lộ một cách chân thực nhất những cảm xúc, thái độ của mình với người mà mình yêu quý. Không mang tính chất “ép buộc”, nặng nề cách giáo dục áp đặt như trước đây (Phó Đức Hòa, 2017).

2.2.3. Bồi dưỡng thường xuyên năng lực dạy học và năng lực giáo dục cho giáo viên tiểu học ở vùng sâu vùng xa

Biện pháp này giúp GV có được năng lực dạy học và năng lực giáo dục cần thiết trong việc hình thành tri thức, kĩ năng, phẩm chất và năng lực cho HS tiểu học vùng sâu, vùng xa, giúp cho khoảng cách về năng lực giữa HS vùng sâu và vùng thành phố được rút ngắn lại hơn. Bao gồm các nội dung như: Rèn luyện các năng lực dạy học như: năng lực tổ chức các trò chơi học tập nhằm hình thành và phát triển năng lực HS; năng lực thiết kế bài học nhằm đánh giá năng lực HS; năng lực đánh giá HS bằng nhận xét; Rèn luyện các năng lực giáo dục như: năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; năng lực tương tác với HS vùng sâu, vùng xa; năng lực; năng lực tìm hiểu HS có hoàn cảnh gia đình đặc biệt,...

Cách thực hiện: + Tổ chức dạy học một số tiết học để hình thành năng lực cho HS tiểu học vùng sâu, vùng xa đặc biệt hướng tới các năng lực mà HS còn hạn chế như: năng lực hợp tác; năng lực giao tiếp; + Tổ chức một số hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho HS có sử dụng các trò chơi nhằm hình thành và phát triển năng lực cho các em, trong đó quan tâm đến các năng lực mà các em còn hạn chế như: năng lực tự giải quyết vấn đề; năng lực ngôn ngữ...

2.2.4. Không gây sức ép về tâm lý đối với giáo viên trong quá trình đánh giá học sinh theo tiếp cận năng lực

Biện pháp này giúp GV có tâm thế tự tin, thoải mái khi làm việc, đặc biệt liên quan đến công tác đánh giá HS. GV tin yêu vào sự đánh giá lành mạnh, không vì “bệnh thành tích”.

Cách thực hiện: + Không gây áp lực cho GV trong việc đánh giá HS ở vùng sâu vùng xa bằng các chỉ tiêu về kết quả học tập, tránh tình trạng HS “ngồi nhầm lớp” như ở một số trường tiểu học trong vùng sâu vùng xa; + Động viên, khích lệ GV trong các bài dạy; các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; + Chia sẻ những khó khăn mà GV gặp phải khi đánh giá HS theo hướng mới; + Động viên và tạo cơ hội cho GV tập rượt, làm quen với những kĩ thuật đánh giá mới; từ đó hình thành cho GV những thói quen đánh giá tích cực; + Giúp đỡ các GV còn khó khăn trong việc tương tác với HS, nhất là GV chưa biết cách nhận xét HS trong quá trình học tập, nhất là với những GV chưa chịu từ bỏ thói quen đánh giá truyền thống.

2.3. Thực nghiệm tác động

2.3.1. Đánh giá sự thay đổi thích ứng với đánh giá học sinh theo tiếp cận năng lực trước thực nghiệm và sau thực nghiệm qua các biểu hiện

Sự thích ứng với đánh giá HS của GV nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng thể hiện qua các biểu hiện cụ thể. Tổng hợp kết quả nghiên cứu ba mặt biểu hiện của thích ứng đã nghiên cứu ở trên, chúng tôi có số liệu tại *bảng 1*: *Bảng 1. Thích ứng với đánh giá HS theo TCNL thể hiện qua 3 biểu hiện trước thực nghiệm (TTN) và sau thực nghiệm (STN)*

STT	Nhóm lần đo biểu hiện	Nhóm đối chứng			Nhóm thực nghiệm		
		ĐTB _{TTN}	ĐTB _{STN}	Hiệu số	ĐTB _{TTN}	ĐTB _{STN}	Hiệu số
1	Nhận thức	1,92	1,96	0,04	1,85	2,62	0,77
2	Thái độ	1,74	1,81	0,07	1,77	2,40	0,63
3	Kĩ năng	1,59	1,77	0,18	1,62	2,22	0,60
	Chung	1,75	1,85	0,10	1,75	2,41	0,66

Kết quả TN cho thấy, dưới ảnh hưởng của biện pháp tác động thì các biểu hiện tâm lý của sự thích ứng với đánh giá HS tiêu học theo TCNL thay đổi và thay đổi theo chiều hướng đi lên và không đồng đều. Cụ thể: ở nhóm thực nghiệm, nhận thức của GV thay đổi rõ rệt, từ ĐTB_{TTN} = 1,85 tăng lên ĐTB_{STN} = 2,62; Độ lệch 0,77; biểu hiện thái độ tăng từ ĐTB_{TTN} = 1,77 lên ĐTB_{STN} = 2,4; độ lệch 0,63; kĩ năng tăng từ ĐTB_{TTN} = 1,62 lên ĐTB_{STN} = 2,22; độ lệch 0,60. Như vậy có thể thấy, biểu hiện về nhận thức của GV thay đổi rõ rệt sau đó là thái độ và cuối cùng là kĩ năng.

2.3.2. Đánh giá sự thay đổi kĩ năng đánh giá học sinh theo tiếp cận năng lực trước và sau thực nghiệm thông qua quan sát

Qua phỏng vấn một số GV, chúng tôi nhận thấy, GV cũng đã hào hứng hơn trong việc đánh giá HS tiêu học. Chẳng hạn, thầy Vũ Hoàng Th. (GV tiêu học) cho rằng: “*Trước đây chúng tôi thường nhận xét HS theo hướng tiêu cực nhưng sau một thời gian được tập huấn và trải nghiệm các kĩ năng đánh giá HS, chúng tôi nhận thấy với HS tiêu học, việc nhận xét tích cực giúp các em học tập hăng say, tinh thần phấn chấn và yêu thích đến trường; chúng tôi cũng đã tập và thực hành các kĩ năng nhận xét HS theo chiều hướng tích cực và thấy mình hoàn toàn có thể thay đổi nếu mình tin vào HS và tạo cho các em cơ hội để phát huy các năng lực của bản thân mình*”, hay cô Nguyễn Thị L.A (GV tiêu học) cho rằng: “*Việc thiết kế đề thi theo TCNL giờ đây với tôi cũng trở nên dễ dàng hơn, tôi cũng đã hiểu sâu hơn khi phân chia các mức độ về kiến thức, kĩ năng và năng lực của HS thông qua việc kiểm tra kết quả học tập của HS sau một kì, hoặc một năm học*”. Đề thiết kế một ma trận và đề kiểm tra theo hướng phát huy năng lực HS là khá khó khăn, tuy nhiên, qua thời gian thực hành và đánh giá, GV đã làm quen và thực hiện tốt hình thức này (Lê Thị Thu Hà, 2019). Sự thay đổi đánh giá HS tiêu học hướng đến việc hình thành các năng lực của HS (Bộ GD-ĐT, 2016) giúp GV không quá tập trung vào việc đánh giá kiến thức, kĩ năng là chính. Điều này được thể hiện trong *bảng 2*.

Bảng 2. Sự thay đổi kĩ năng đánh giá HS theo TCNL của GV tiêu học TTN và STN

STT	Nhóm Kĩ năng ĐGHS theo TCNL	Nhóm đối chứng			Nhóm thực nghiệm		
		\bar{X}_{TTN}	\bar{X}_{STN}	Hiệu số	\bar{X}_{TTN}	\bar{X}_{STN}	Hiệu số
1	Kĩ năng thiết kế đề kiểm tra theo hướng phát huy NL của HS	1,44	1,85	0,41	1,48	2,37	0,89
2	Kĩ năng đưa ra lời nhận xét mang tính tích cực	1,55	1,92	0,37	1,51	2,55	1,04
3	Kĩ năng đưa HS vào những tình huống trải nghiệm thực tế	1,62	1,88	0,26	1,59	2,40	0,81
	Chung	1,54	1,88	0,34	1,53	2,44	0,91

Để đánh giá cụ thể hơn về mức độ thích ứng với đánh giá của GV tiêu học, chúng tôi còn tiến hành quan sát GV qua một số tiết dạy cũng như quan sát sản phẩm đánh giá của GV thể hiện trên vở bài tập của HS TTN và STN. Kết quả được thể hiện ở *bảng 3*.

Bảng 3. Kết quả quan sát kĩ năng đánh giá HS theo TCNL

STT	Biểu hiện	TTN		STN	
		\bar{X}	Xếp loại	\bar{X}	Xếp loại
1	Tính thay đổi	1,81	trung bình	2,48	cao
2	Tính chủ động	1,70	trung bình	2,44	cao
3	Tính hiệu quả	1,74	trung bình	2,37	trung bình
	Chung	1,75	trung bình	2,43	cao

Kết quả thực nghiệm cho thấy, kỹ năng đánh giá HS của GV tiểu học thông qua việc quan sát cũng có thay đổi đáng kể, với điểm trung bình trước thực nghiệm là 1,75 và sau thực nghiệm là 2,43. Biểu hiện cụ thể qua tính thay đổi, tính tích cực và tính hiệu quả. Ở tính thay đổi, $\bar{X}_{TTN} = 1,81$ và $\bar{X}_{STN} = 2,48$, độ lệch 0,67; tính tích cực với $\bar{X}_{TTN} = 1,70$ và $\bar{X}_{STN} = 2,44$; tính hiệu quả với $\bar{X}_{TTN} = 1,74$ và $\bar{X}_{STN} = 2,37$. Như vậy, cả 3 tiêu chí đều có sự thay đổi mức độ thích ứng, chứng tỏ biện pháp tác động có tính khả thi.

3. Kết luận

Đánh giá HS tiểu học theo năng lực giúp HS phát huy được các thế mạnh của bản thân. GV và phụ huynh HS có thể khuyến khích sự sáng tạo của HS trong những tình huống khác nhau đã biến đổi. Việc tìm ra giải pháp giúp HS phát huy năng lực là rất quan trọng. Trong bối cảnh xã hội ngày càng nhiều thay đổi, việc thích ứng với cách đánh giá đó giúp GV nâng cao trình độ chuyên môn, không ngừng học hỏi, sáng tạo trong cách giáo dục HS. Những biện pháp được đưa ra trong bài viết có sự tác động mang tính khả thi, giúp đội ngũ GV tiểu học trong việc nâng cao hiệu quả của quá trình thích ứng với đánh giá HS theo TCNL, từ đó nâng cao hiệu quả giáo dục HS, bắt kịp xu thế đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2016). *Thông tư số 22/2016/BGDĐT ngày 22/09/2016 về "Quy định đánh giá học sinh tiểu học"*.
- Hoàng Mai Lê (2017). *Đổi mới đồng bộ phương pháp và đánh giá học sinh ở nhà trường tiểu học*. Tạp chí Giáo dục, số 405, tr 1-2; 25.
- Lê Thị Thu Hà (2018). *Thực trạng thích ứng của giáo viên tiểu học tỉnh Sơn La với đánh giá học sinh theo tiếp cận năng lực*. Tạp chí Tâm lý học Xã hội, số tháng 8, tr 80-92.
- Lê Thị Thu Hà (2019). *Thái độ của giáo viên tiểu học tỉnh Sơn La với đánh giá học sinh theo tiếp cận năng lực*. Tạp chí Tâm lý học Xã hội, số tháng 12, tr 69-68.
- Nguyễn Công Khanh (2015). *Đánh giá học sinh theo cách tiếp cận năng lực*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Hữu Hợp (2015). *Hướng dẫn thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phó Đức Hòa (2017). *Đổi mới kiểm tra, đánh giá trong giáo dục và các phương pháp, kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra theo hướng đánh giá năng lực cho học sinh tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm.